

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI



EVNTPC PHA LAI

Địa chỉ: phường Phả Lại – thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203 881 126

Fax: 03203 881 388

Webside: www.ppc.evn.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Hải Dương, tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
NĂM 2014**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**
- Tên giao dịch quốc tế: **Pha Lai Thermal Power Joint-Stock Company**
- Tên viết tắt: **PPC**
- Vốn điều lệ: **3.262.350.000.000 VND**
- Địa chỉ: phường Phả Lại - thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 03203 881 126; Fax: 03203 881 338
- Website: <http://www.ppc.evn.vn>
- Mã cổ phiếu: **PPC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) được thành lập theo Quyết định số 22 DT/TCCB ngày 26/4/1982 của Bộ Điện lực là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo Quyết định số 121NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005 Bộ Công nghiệp cũ Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18 tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006; đăng ký thay đổi lần 6; ngày 10 tháng 05 năm 2013.

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng

Năm	Sự kiện kiện
1982	Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại theo quyết định của Bộ Điện lực, trực thuộc Công ty Điện lực I.
1983	Tổ máy số 1 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1984	Tổ máy số 2 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1985	Tổ máy số 3 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1986	Tổ máy số 4 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1995	Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
2001	Tổ máy số 5 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2002	Tổ máy số 6 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại.
2005	Bộ Công nghiệp có quyết định về việc chuyển Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
26/1/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
13/3/2006	Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 1294/BCN-TCCB đồng ý về chủ trương bán tiếp cổ phần Nhà nước.
15/5/2006	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 12/QĐ-TTGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
19/5/2006	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK Hà Nội
8/1/2007	TTGDCK Hà Nội có quyết định chấp thuận hủy đăng ký giao dịch tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại để chuyển sang niêm yết tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
17/01/2007	UBCKNN có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
26/01/2007	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK TP Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;

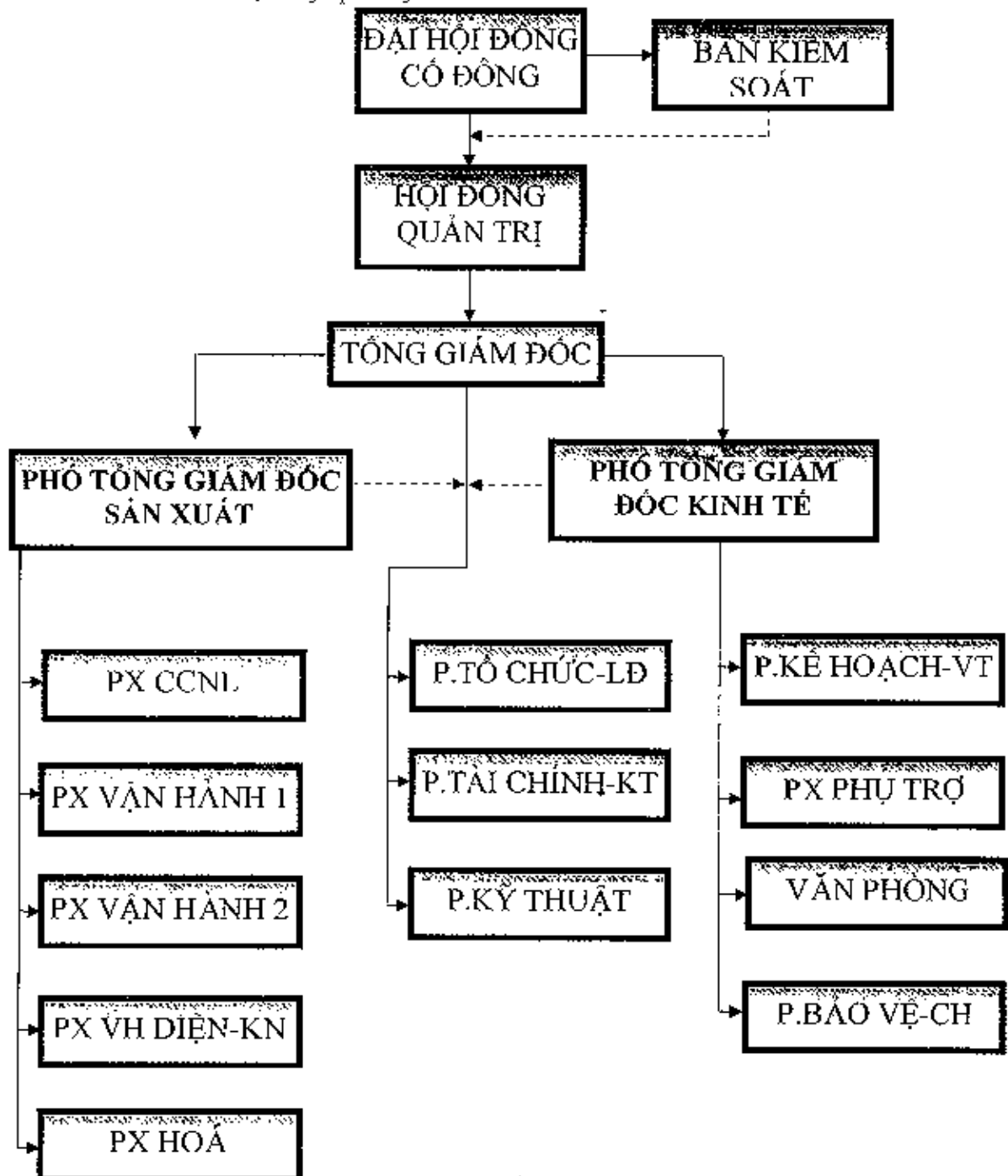
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ, nhiệt điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3 Các công ty con, Công ty liên kết

- Các công ty con: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

+ Địa chỉ: phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện.

+ Vốn thực góp: 27.476.250.000 VND

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc: 50%

- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

+ Địa chỉ: Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

+ Vốn thực góp: 1.451.055.770.150 VND

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 25,97%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 6.0 tỷ kWh trở lên;

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;

- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tham gia đầu tư góp vốn xây dựng các nhà máy điện theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công thương;

- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và Cộng đồng của Công ty:

- Tiếp tục duy trì khai thác bán xỉ, tro bay và thạch cao để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và dư vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban điều hành Công ty đã đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2014 đảm bảo sản xuất điện an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả cao, tích cực triển khai kế hoạch góp vốn vào các nhà máy điện và các hoạt động khác. Năm 2014, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, phục hồi chậm hơn dự báo, nhu cầu sử dụng điện không căng thẳng như những năm trước, tình hình thủy văn không được thuận lợi. Năm 2014, Công ty sản xuất được 6,31 tỷ kWh, đạt 113,16% so với kế hoạch năm, doanh thu từ sản xuất điện vẫn đạt 105,63% so với kế hoạch, cùng với hoạt động tài chính có hiệu quả cao và tỷ giá giữa VNĐ/JPY giảm làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lợi nhuận cao, vượt kế hoạch.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013 (tỷ đồng)	Năm 2014 (tỷ đồng)	Tăng trưởng %
1.	Sản lượng điện sản xuất (kWh)	6.244,9	6.305,04	100,96
2.	Tổng tài sản	11.895,88	11.324,08	95,19
3.	Vốn chủ sở hữu	5.397,10	5.674,36	105,14
4.	Vốn điều lệ	3.262,35	3.262,35	100,00
5.	Doanh thu thuần	6.588,54	7.481,94	113,56
6.	Lợi nhuận trước thuế	2.250,27	1.301,51	57,84
7.	Lợi nhuận sau thuế	1.639,53	1.054,11	64,11

(Nguồn BCTC hợp nhất PPC đã kiểm toán năm 2014)

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

1. Ông **Phạm Kim Lâm** - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông **Phạm Văn Thư** - Tổng Giám đốc;
3. Ông **Nguyễn Văn Quyên** - Phó Tổng Giám đốc;
4. Ông **Nguyễn Văn Thủy** - Phó Tổng Giám đốc.

<p>1 Ông Phạm Kim Lâm</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Chức danh ❖ Giới tính ❖ Ngày tháng năm sinh ❖ Nơi sinh ❖ Dân tộc ❖ Quốc tịch ❖ Địa chỉ thường trú ❖ Trình độ văn hoá ❖ Số CMND ❖ Trình độ đào tạo ❖ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty ❖ Quá trình công tác: 	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Nam</p> <p>26/12/1958</p> <p>Thanh Thủy, Thanh Hà, Hải Dương</p> <p>Kinh</p> <p>Việt Nam</p> <p>phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương</p> <p>10/10</p> <p>141786765 cấp ngày 05/01/2006 tại Hải Dương</p> <p>Cử nhân Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Chuyên viên kế toán tổng hợp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại</p> <p>Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tài vụ Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại</p>
<p>05/1984 - 08/1993</p> <p>09/1993 - 8/2004</p>	<p>Chuyên viên kế toán tổng hợp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại</p> <p>Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tài vụ Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại</p>

	<p>9/2004 - 4/2008</p> <p>17/4/2008 - 7/12/2012</p> <p>8/12/2012 đến tháng 4/2013</p> <p>05/2013 đến nay</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Số cổ phần nắm giữ <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần cá nhân sở hữu - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước ❖ Hành vi vi phạm pháp luật ❖ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty 	<p>Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phả Lại (Từ tháng 01/2006 là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại</p> <p>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại</p> <p>105.840 cổ phần</p> <p>Đại diện 40% Phần vốn NN của Tổng Công ty Phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 66.556.758 CP.</p> <p>Không</p> <p>Không</p>
<p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Chức vụ hiện tại ❖ Giới tính ❖ Ngày tháng năm sinh ❖ Nơi sinh ❖ Quốc tịch ❖ Dân tộc ❖ Địa chỉ thường trú ❖ Trình độ văn hoá ❖ Số CMND ❖ Trình độ đào tạo ❖ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/1977 - 08/1982: - Từ 09/1982 - 08/1986 - Từ 09/1986 - 05/1990 - Từ 06/1990 - 07/1992: 	<p>Ông Phạm Văn Thư</p>	<p>Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại</p> <p>Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.</p> <p>Nam</p> <p>07/08/1959</p> <p>Xã Việt Tiến, Huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng</p> <p>Việt Nam</p> <p>Kinh</p> <p>Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Hải Dương</p> <p>10/10</p> <p>141403938 cấp ngày 13/01/2006 tại Hải Dương</p> <p>Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân chính trị.</p> <p>Công nhân sửa chữa lò hơi nhà máy điện Việt Trì - Vĩnh Phúc</p> <p>Công nhân sửa chữa lò - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại</p> <p>Học trường Đại học công nghiệp Thái Nguyên</p> <p>Kỹ thuật viên phân xưởng đại tu thiết bị cơ</p>

- Từ 08/1992 - 06/2000	nhà nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại Phó quản đốc phân xưởng đại tu thiết bị cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 07/2000 - 12/2005	Quản đốc phân xưởng Đại tu cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 01/2006 - 06/2007	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa cơ nhiệt - Công ty CP nhiệt điện Phả Lại
- Từ 07/2007 - 11/2011	Phó Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc
- Từ 12/2011 - 04/2013	Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc
- Từ 05/2013 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
❖ Số cổ phần nắm giữ: - Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	90.050 CP Đại diện 30% Phần vốn NN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 49.917.569 CP.
❖ Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
4 Ông Nguyễn Văn Quyền	
❖ Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖ Giới tính	Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	10 tháng 03 năm 1960
❖ Nơi sinh	Thuy Phong, Thái Thụy, Thái Bình
❖ Quốc tịch	Việt Nam
❖ Dân tộc	Kinh
❖ Địa chỉ thường trú	Nhà 44/77 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng Hà Nội
❖ Trình độ văn hoá	10/10
❖ Số CMND	Chứng Minh thư số 013286129 cấp ngày 17 tháng 04 năm 2010 do công an Hà Nội cấp
❖ Trình độ đào tạo	Thạc Sĩ QTKD
❖ Quá trình công tác: - Từ 1984 - 1988	Nhân viên phòng kế hoạch vật tư - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại

- Từ 1988 – 1990	Nhân viên phòng vật tư sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 1990 – 1992	Học lớp bồi dưỡng kế toán cho kỹ sư học tại trường bồi dưỡng Cán bộ Thanh Xuân Hà Nội
- Từ 1990 – 1996	Nhân viên phòng Tài vụ sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 1996 – 10/1997	Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
- Từ 10/1997 – 6/2002	Phó phòng TCKT Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
- Từ 7/2002- 11/2002	Phó phòng kế hoạch Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
- Từ 11/2002 – 6/2013	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng. Năm 2009 đến 2010 học thạc sỹ QTKĐ
- Từ 6/2012 – 11/2013	Ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Từ 11/2013 – 7/2014	Ủy viên HĐQT kiêm phó tổng Giám đốc kinh tế Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Từ 7/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc kinh tế Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại, kiêm ủy viên HĐQT Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng
❖ Số cổ phần nắm giữ	Không
❖ Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
5 Ông Nguyễn Văn Thủy	
❖ Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖ Giới tính	Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	26/6/1963
❖ Nơi sinh	Xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, T.Bắc Ninh
❖ Quốc tịch	Việt Nam
❖ Dân tộc	Kinh
❖ Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, TX Chí Linh, Hải Dương
❖ Trình độ văn hoá	10/10
❖ Số CMND	142469226 cấp ngày 12/01/2006 tại CA Hải Dương
❖ Trình độ đào tạo	Kỹ sư Tự động hóa. Cao cấp lý luận chính trị
❖ Quá trình công tác:	
4/1987 - 3/1992	Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Kiểm nhiệt

4/1992 - 01/1995	NM Nhiệt điện Phả Lại. Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Đại tu điện kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
02/1995 - 6/1999	Trưởng-ca sản xuất NM Nhiệt điện Phả Lại
7/1999 - 10/2001	Quản đốc phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
11/2001 - 01/2006	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa tự động - điều khiển NM Nhiệt điện Phả Lại
02/2006 - 8/2010	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
9/2010 - 06/2012	Quản đốc phân xưởng Vận hành I Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
07/2012 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖ Số cổ phần nắm giữ	15 CP
❖ Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2014

- Từ tháng 7/2014 Ông Nguyễn Văn Thanh nhận công tác mới tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, đồng thời Ông Nguyễn Văn Quyền nhận công tác mới Phó Tổng giám đốc kinh tế Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

ĐỐI TƯỢNG	Tổng số CBNV đầu năm 2014	Số CBNV tăng trong năm	Số CBNV giảm trong năm	Tổng số CBNV cuối năm 2014
TỔNG SỐ	1382	34	74	1342
Khối đoàn thể	4	0	0	4
Ban Tổng Giám đốc	4	0	0	4
Văn Phòng	151	0	14	137
P. Tổ chức - LD	7	2	0	9
P. Tài chính - Kế toán	13	0	2	11
P. Kế hoạch - Vật tư	74	0	8	66
Phòng Kỹ thuật	39	3	0	42
P. Bảo vệ - Cứu hoả	70	0	1	69
PX. Vận hành 1	236	29	0	245
PX. Vận hành 2	327	0	6	321
PX. Vận hành Điện - KN	115	0	15	100
PX. Cung cấp nhiên liệu	240	0	11	229
PX. Hoá	68	0	2	66
PX. Phụ trợ	34	0	15	19

2.4. Chế độ chính sách đối với người lao động:

a) Chính sách tiền lương:

Trong khi chờ các cơ quan có thẩm quyền cấp trên hướng dẫn việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương theo quy định tại Nghị định số 49/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương, Công ty hiện nay vẫn đang tạm thời tiếp tục thực hiện việc xếp lương cho người lao động (NLD) theo quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước.

Công ty có Quy chế trả lương cho người lao động, đảm bảo việc trả lương cho NLD công bằng theo mức độ đóng góp của cá nhân, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, hào dâm hài hoà giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty năm 2014 cao hơn so với năm trước.

b) Quản trị nguồn nhân lực :

Công ty luôn trú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyển và bổ nhiệm một số cán bộ chủ chốt; Thay thế thiết bị và công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây chuyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi NLD về hưu hoặc chuyển công tác; Luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; đào tạo đại học và sau đại học.

c) Chính sách khác: Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao...

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi NLD được hưởng cao hơn so với luật như:

- + Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;
- + NLD đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, nếu có nguyện vọng sẽ được Công ty xem xét tuyển dụng con (con đẻ, con nuôi hợp pháp) vào làm việc khi có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển dụng của Công ty ;
- + Thường cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất, thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch trong và ngoài nước;
- + Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. NLD được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ tết; được nghỉ không phải làm việc hưởng nguyên các chế độ 03 tháng trước khi về hưu.
- + Người lao động được Công ty mua bảo hiểm tai nạn con người, được trợ cấp thêm tối thiểu 20.000.000 đồng nếu không may bị chết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

a) Các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản tương đương tiền đến cuối năm 2014 là: 4.632,75 tỷ đồng, chi tiết như sau:

+ Đầu tư bằng hình thức tiền gửi 2.616,89 tỷ đồng

+ Đầu tư vào các tổ chức tín dụng, cho vay khác: 2.015,85 tỷ đồng .

Năm 2014, Công ty đã tính toán và tận dụng tối đa nguồn vốn nhân rồi để uỷ thác đầu tư qua các tổ chức tài chính, các ngân hàng có lãi suất huy động cao, đảm bảo an toàn mang lại hiệu quả cao.

b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Đến 31/12/2014 Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện đầu tư dài hạn 2.744,89 tỷ đồng. Trong đó:

- **Góp vốn vào công ty liên kết là: 1.311,58 tỷ đồng**

Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng từ năm 2009 đến năm 2014 với tổng số tiền là: 1.451,06 tỷ đồng tương đương với 127.450.000 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 25,97% vốn điều lệ, điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ là -139,48 tỷ đồng. Năm 2014, Công ty đã nhận được cổ tức là 5,5 %.

- **Đầu tư dài hạn khác là: 1.555,29 tỷ đồng**

+ Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i): 350 tỷ đồng.

+ Đầu tư trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii): 118,15 tỷ đồng

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii): 817,3 tỷ đồng.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii): 70,8 tỷ đồng.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (iii): 100 tỷ đồng.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Buôn Đôn (iii): 50,25 tỷ đồng.

+ Đầu tư chứng khoán khác (iv): 46,5 tỷ đồng.

+ Đầu tư khác: 2,29 tỷ đồng.

(i) **Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay:** Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.

(ii) **Đầu tư trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:** Hợp đồng mua bán khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.

(iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần thủy điện Buôn Đôn, Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, khoản góp vốn

vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn vốn góp.

(iv) **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã được trích lập dự phòng.

- **Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là: -121,98 tỷ đồng**

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a) Các công ty con: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (NPS)

Với hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện, NPS đang là đơn vị chủ yếu thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị của Công ty. Năm 2014, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại thực hiện kế hoạch của mình sửa chữa nhiều hạng mục đã ký kết với NPS. Do vậy, đã góp phần tăng doanh thu cung cấp dịch vụ, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc với tổng giá trị 27,48 tỷ đồng tương đương với 2.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 50% vốn điều lệ; Năm 2014, Công ty đã nhận được cổ tức là 13,65%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của NPS như sau:

- Tổng Doanh thu:	209.938.660.526 đồng
Trong đó:	
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	207.799.545.004 đồng
+ Doanh thu hoạt động tài chính:	1.956.442.734 đồng
+ Thu nhập khác:	182.672.788 đồng
- Tổng chi phí:	185.414.900.987 đồng
Trong đó:	
+ Giá vốn hàng bán:	184.643.900.830 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	24.523.759.539 đồng

b) Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng chính thức đưa vào vận hành các tổ máy số 1 và số 2 vào năm 2011 và Tổ máy 3,4 chạy thương mại đầu năm 2014. Toàn bộ sản lượng điện sản xuất ra Công ty đều bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam. Trong năm 2014 doanh thu công ty đạt được 8.578,43 tỷ đồng tăng 201 % so với năm 2013. Do các tổ máy mới đi vào hoạt động do vậy chi phí phân bổ vào giá thành lớn. Giá vốn năm 2014 của Công ty là 6.891 tỷ đồng tăng 246 % so với năm 2013. Năm 2014 lợi nhuận sau thuế đạt 280 tỷ đồng. Do công ty đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn vay ngoại tệ, bên cạnh đó do tỷ giá ngoại tệ hàng năm có sự biến động làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông khoảng 5,5 %.

4. Tình Hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1.	Tổng giá trị tài sản	11.895,88	11.324,08	95,19
2.	Doanh thu thuần	6.588,54	7.481,94	113,56
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.317,35	1.303,07	56,23
4.	Lợi nhuận khác	2,55	8,44	330,98
5.	Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết	- 69,63	- 9,99	
6.	Lợi nhuận trước thuế	2.250,27	1.301,51	57,84
7.	Lợi nhuận sau thuế	1.639,10	1.054,11	64,31
	- LN Sau thuế của cổ đông thiểu số	9,57	9,41	98,33
	- LN Sau thuế của cổ đông của Công ty	1.629,53	1.044,71	64,11
8.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	Dự kiến 15%	

(Nguồn BCTC hợp nhất PPC đã kiểm toán năm 2014)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1.	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLD (TSNH)/Nợ ngắn hạn	5,01	4,9	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLD - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	4,37	4,44	
2.	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,54	0,50	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,2	0,99	
3.	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	6,45	9,9	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,55	0,66	
4.	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,25	0,14	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,30	0,19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,14	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,35	0,17

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 326.235.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông lại ngày 31/12/2014 (Theo danh sách chốt cổ đông ngày 31/12/2014 do TTLKCK Việt Nam cung cấp – ngày chốt danh sách để tạm ứng có tức bằng tiền năm 2014)

TT	Nội dung	Số nhà đầu tư	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu	8.656	326.235.000	100,00	
I.1	Cổ đông lớn (≥5%)	3	254.984.726	78,16	Genco 2 REE, HALLEY SICAV
I.2	Cổ đông nhỏ (<5%)	8.653	71.250.274	21,84	
II	Phân loại theo chủ thể sở hữu				
II.1	Cá nhân	8.522	18.794.546	5,76	
II.2	Tổ chức	134	307.440.454	94,24	
II.3	Trong nước	7.884	274.001.268	83,99	
II.4	Nước ngoài	772	52.233.732	16,01	
II.5	Cổ đông nhà nước	1	166.391.896	51,00	
II.6	Cổ đông khác	8.655	159.843.104	49,00	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Không*

e) Các chứng khoán khác: *Không*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra, nhờ hoạt động tài chính có hiệu quả

cao và lợi nhuận có được từ việc đánh giá lại khoản nợ vay có nguồn gốc ngoại tệ đã giúp cho Công ty có lợi nhuận trước thuế là 1.301,51 tỷ đồng.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Sau cổ phần hóa đến nay, Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn phù hợp với yêu cầu sản xuất-kinh doanh, gọn nhẹ và năng động hơn. Nhiệm vụ SXKD chủ yếu hiện nay là chuyên quản lý vận hành sản xuất điện.

+ Dẫn hoàn thiện các Quy chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 phiên bản 2010 vì vậy công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nề nếp và có hiệu quả hơn.

+ Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

- Các biện pháp kiểm soát:

+ Duy trì công tác đánh giá nội bộ việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008;

+ Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.

+ Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2014 tài sản của công ty có sự biến động cụ thể tổng tài sản đầu năm là 11.895,88 tỷ đồng cuối năm là 11.324,08 tỷ đồng giảm 571,8 tỷ đồng. Sự biến động đó làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Sự biến động của tài sản là do:

Đầu tư ngắn hạn giảm 307,2 tỷ đồng so với đầu năm 2014. Bên cạnh việc các khoản đầu tư tài chính giảm thì các khoản phải thu của khách hàng mà chủ yếu là từ khoản thu từ khách hàng điện lại tăng lên làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty do bị các đơn vị khác chiếm dụng vốn do vậy khả năng quay vòng vốn không cao cụ thể đầu năm là 1.413,06 tỷ đồng cuối năm là 2.138,80 tỷ đồng.

Hàng tồn kho giảm, tuy nhiên tình trạng ứ đọng vốn và những ảnh hưởng của vật tư thiết bị ứ đọng, kém phẩm chất đã khiến Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thêm 1,91 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn trong năm giảm do tài sản cố định trong năm giảm. Việc tài sản giảm do một số tài sản đã hết khấu hao, do cũ, lạc hậu lên thanh lý, việc giảm chi phí khấu hao tài sản làm cho chi phí trong năm giảm do vậy ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong năm. Đối với các khoản đầu tư dài hạn do công ty Góp vốn vào các công ty điện bên cạnh đó các công ty này do đang thi công và mới đi vào hoạt động do vậy chưa đem lại lợi nhuận cho các khoản đầu tư này vì vậy cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

b) Tình hình nợ phải trả

Đối với Công ty, nợ phải trả có ảnh hưởng và chịu tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đó chính là khoản vay JPY. Đây là khoản vay do Tập đoàn điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26/12/2006. Đến thời điểm 31/12/2014 Công ty còn nợ là: 25,06 tỷ JPY; Tỷ giá giữa VND/JPY do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam thông báo tại ngày 31/12/2014 là 175,9 VND/JPY.

Mặc dù được vay với lãi suất thấp (lãi suất cho vay hình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của EVN là 0,2%/năm) nhưng những biến động của tỷ giá là khó kiểm soát, tạo khó khăn cho Công ty trong kế hoạch cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào tỷ giá này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2014, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện; Góp vốn xây dựng các nhà máy điện, đầu tư tài chính,... mang lại hiệu quả cao.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2014 như sau:

- Công tác điều hành năng động, các mặt quản lý được nâng cao, an ninh được giữ vững; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 ổn định, hiệu quả. Sản lượng điện sản xuất đạt: 6,305 tỷ kWh, đạt 113,16% so với kế hoạch; Doanh thu từ sản xuất điện: 7.405,45 tỷ đồng, đạt 105,63% so với kế hoạch; Doanh thu hoạt động tài chính: 1.055,23 tỷ đồng, đạt 271,36 % so với kế hoạch; Tổng doanh thu 8.557,31 tỷ đồng đạt 120,86% so với kế hoạch; Tổng lợi nhuận trước thuế: 1.301,51 tỷ đồng, đạt 455,03%.

- Công tác đại tu khối 3, trung tu khối 1 và khối 5 theo kế hoạch được thực hiện đảm bảo an toàn, chất lượng và vượt tiến độ đề ra, đảm bảo các tổ máy luôn vận hành theo phương thức huy động công suất của trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Công tác đầu tư tài chính linh hoạt, cố gắng nhiều nên Doanh thu tài chính năm 2014 đạt được hiệu quả cao;

- Lưu ý giám sát trong công tác quản lý mua sắm vật tư thiết bị, tránh để tình trạng làm gia tăng giá trị của kho;

- Lưu ý việc khai thác các sản phẩm phụ (tro xi, thạch cao) đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;

- Ban điều hành cần chủ động trong thời gian tới về vấn đề nhân lực (đặc biệt là người lao động của Dây chuyên 1).

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động và kinh doanh có lãi. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược sản xuất kinh doanh trước mọi diễn biến của thị trường.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị sẽ bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch được giao;

- Phân đấu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện;

- Sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| Ông Phạm Kim Lâm | - Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Phạm Văn Thư | - Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Trần Văn Dư | - Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Bà Nguyễn Thị Mai Thanh | - Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Việt Hà | - Thành viên Hội đồng Quản trị |
- Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu/đại diện	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
I	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành		
1.	Ông. Trần Văn Dư	49.917.569	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty phát điện 2 (Đại diện 30% phần vốn)

2.	Ông. Nguyễn Việt Hà	7.773.420	nhà nước tại PPC) Giám đốc Ban đầu tư - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (Đại diện 2,38% của PVFC)
3.	Bà. Nguyễn Thị Mai Thanh	71.115.450	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (Đại diện 21,7% của REE)
II	Thành viên Hội đồng quản trị khác		
1.	Ông. Phạm Kim Lâm	105.840/66.556.758	ĐD 40% phần vốn Nhà nước tại PPC
2.	Ông. Phạm Văn Thư	90.050/49.917.569	ĐD 30% phần vốn NN tại PPC

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng giám Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty thông qua Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 71/NQ-PPC-HĐQT	17/02/2014	- Giã hạn thời gian giữ chức vụ phó Tổng Giám đốc của Ông Nguyễn Văn Thanh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.
2	Số 72/NQ-PPC-HĐQT	04/3/2014	- Chốt ngày tổ chức Đại Hội cổ đông: Dự kiến Ngày 23/4/2014; bắt đầu từ 8 giờ 30 phút
3	Số 73/NQ-PPC-HĐQT	25/3/2014	1. Phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2013 là 234,46 tỷ đồng. 2. Thống nhất nội dung Sửa đổi Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 121/TT-BTC ngày 26/7/2012 để trình Đại hội đồng thường niên năm 2014.

			<p>3. Thông qua việc thay đổi người đại diện phân vốn của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phá Lại (PPC) tại Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (NPS) như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Nguyễn Hữu Hằng thôi là Tổ trưởng người đại diện phân vốn của PPC tại NPS và thôi nắm giữ 1.000.000 (một triệu) cổ phần của NPS do PPC góp vốn kể từ ngày 01/4/2014. - Tạm thời giao cho Ông Nguyễn Văn Tỉnh, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NPS hiện đang nắm giữ 500.000 (năm trăm nghìn) cổ phần của NPS do PPC góp vốn tiếp tục đại diện nắm giữ thêm 1.000.000 (một triệu) cổ phần của NPS do PPC góp vốn và là Tổ trưởng người đại diện phân vốn của PPC tại NPS mà ông Nguyễn Hữu Hằng đang đại diện cho đến kỳ Đại hội đồng thường niên 2014 của NPS. - Đồng ý cử ông Nguyễn Văn Tỉnh, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc ứng cử chủ tịch HĐQT NPS thay ông Nguyễn Hữu Hằng cho đến kỳ Đại hội đồng thường niên 2014 của NPS.
4	Số 1881/QĐ-PPC-HĐQT	03/4/2014	- Quyết định về việc mua than cho sản xuất điện năm 2014.
5	Số 74/NQ-PPC-HĐQT	15/4/2014	- Hoàn không tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 23/4/2014.
6	Số 75/NQ-PPC-HĐQT	17/4/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Tạm ứng cũ tức bằng tiền mặt năm 2013 là 8% (800 đồng/cổ phần); - Ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông là ngày 16/5/2014; - Ngày chi trả cổ tức là ngày 06/6/2014.
7	Số 76/NQ-PPC-HĐQT	02/5/2014	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cử ông Lê Thế Sơn - Kế toán trưởng PPC - là người đại diện 40% phần vốn của PPC tại NPS (tương đương 1.000.000 cổ phần), tham gia ứng cử thành viên HĐQT không chuyên trách tại Đại hội đồng Cổ đông NPS 2014; 2. Cử ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng phòng Tổ chức Lao động PPC, đang đại diện 40% phần vốn của PPC tại NPS (tương đương 1.000.000 cổ phần), thành viên HĐQT công ty NPS, là Trưởng nhóm người đại diện tại NPS và tham

			gia ứng cử Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm (không chuyên trách) tại Đại hội đồng Cổ đông NPS 2014; 3. Ông Nguyễn Văn Tính tiếp tục đại diện 20% phần vốn của PPC (tương đương 500.000 cổ phần) và tiếp tục đảm nhận chức vụ Tổng giám đốc công ty NPS.
8	Số 77/NQ-PPC-HĐQT	08/5/2014	- Chốt ngày tổ chức Đại Hội cổ đông: Ngày 30/6/2014; bắt đầu từ 8 giờ 30 phút.
9	Số 2577/QĐ-PPC-HĐQT	21/5/2014	- Phê duyệt dự thảo Hợp đồng mua bán điện năm 2013 giữa PPC với EVN
10	Số 2612/CV-PPC-HĐQT	23/5/2014	- Thông qua tổng mức đầu tư hiệu chỉnh Dự án Nhiệt điện Hải Phòng 2.
11	Số 78/NQ-PPC-HĐQT	16/6/2014	Bổ nhiệm CB lãnh đạo, quản lý: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hải, Kỹ sư Hệ thống điện, phó trưởng phòng Kỹ thuật – giữ chức vụ Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2, thời hạn bổ nhiệm 3 năm kể từ ngày 16/6/2014. 2. Ông Tạ Quang Nghĩa, Kỹ sư Công nghệ Nhiệt điện, phó quản đốc phụ trách Phân xưởng Vận hành 1 – giữ chức vụ Quản đốc Phân xưởng Vận hành 1, thời hạn bổ nhiệm kể từ ngày 16/6/2014 đến hết ngày 28/02/2017. 3. Ông Lê Văn Chính, Kỹ sư Công nghệ Nhiệt điện, kỹ thuật viên phân xưởng Vận hành 1 – giữ chức vụ Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành 1, thời hạn bổ nhiệm 3 năm kể từ ngày 16/6/2014.
12	Số 2973/BB-PPC-HĐQT	18/6/2014	- Thông qua các nội dung báo cáo trước ĐHCD thường niên năm 2014 - Thông qua việc mua thêm 2,4 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, nâng tổng mức sở hữu lên 25,97 % VDI, của NDHP.
13	Số 79/NQ-PPC-HĐQT	19/6/2014	- Mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng do Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư, cụ thể như sau: Tổng số lượng cổ phần mua lại: 2.400.000 cổ phần (hai triệu bốn trăm nghìn cổ phần). Giá cổ phần mua lại: 11.500 đồng/cổ phần.

14	Số 80/NQ-PPC-HĐQT	27/6/2014	- Chấp thuận điều động, luân chuyển ông Nguyễn Văn Thanh, sinh năm 1959, phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sang công tác và làm việc tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng từ ngày 01/7/2014.
15	Số 81/NQ-PPC-HĐQT	30/6/2014	- Chấp thuận tiếp nhận ông Nguyễn Văn Quyền, sinh năm 1960, phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng về công tác, làm việc tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, nhiệm vụ cụ thể do Tổng giám đốc phân công đảm bảo phù hợp với chuyên môn và kinh nghiệm công tác.
16	Số 82/NQ-PPC-HĐQT	04/7/2014	- Chi trả cổ tức lần 2 năm 2013 bằng tiền mặt là 7% (700 đồng/cổ phần); - Ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông là ngày 25/7/2014; - Ngày chi trả cổ tức là ngày 15/8/2014;
17	Số 83/NQ-PPC-HĐQT	01/8/2014	Bổ nhiệm Cán bộ lãnh đạo, quản lý 1. Bổ nhiệm ông Lương Thế Ngọc – sinh năm 1973, Kỹ sư Nhiệt Công nghiệp, Thạc sĩ Công nghệ Thông tin, hiện đang là Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật - Giữ chức vụ Phó trưởng phòng Kỹ thuật. Thời hạn bổ nhiệm: 3 năm kể từ ngày ký Quyết định bổ nhiệm. 2. Bổ nhiệm ông Kiều Văn Tuấn – sinh năm 1979, Kỹ sư Tự động Điều khiển, hiện đang là Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật - Giữ chức vụ Phó trưởng phòng Kỹ thuật. Thời hạn bổ nhiệm: 3 năm kể từ ngày ký Quyết định bổ nhiệm.
18	Số 84/NQ-PPC-HĐQT	06/8/2014	Lựa chọn kiểm toán. 1. Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. 2. Nội dung dự thảo 1 lợp đồng cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và Kiểm

			toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
19	Số 85/NQ-PPC-HĐQT	25/9/2014	<p>Bổ nhiệm Cán bộ lãnh đạo, quản lý</p> <p>1. Bổ nhiệm ông Nguyễn Đăng Khương - Kỹ sư Hứa Hữu cơ hiện đang là Phó chánh Văn phòng - Giữ chức vụ Chánh Văn phòng. Thời hạn bổ nhiệm: 3 năm kể từ ngày ký Quyết định bổ nhiệm.</p> <p>2. Bổ nhiệm ông Phạm Kim Sơn - Kỹ sư Công nghệ Nhiệt, hiện đang là Tổ trưởng Tổ Tiếp nhận, phòng Kế hoạch Vật tư - Giữ chức vụ Phó trưởng phòng Kế hoạch Vật tư. Thời hạn bổ nhiệm: 3 năm kể từ ngày ký Quyết định bổ nhiệm.</p>
20	Số 5024/BB-PPC-HĐQT	29/10/2014	<p>Hợp định kỳ quý 3 năm 2014</p> <p>1. Thông qua báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2014.</p> <p>2. Ghi nhận báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2014 như sau: - Sản lượng điện sản xuất: 4.840,17 triệu kWh, đạt 86,87% kế hoạch năm. - Sản lượng điện bán cho EVN: 4.368,20 triệu kWh, đạt 87,24% kế hoạch năm. - Tổng doanh thu : 6.159,6 tỷ VNĐ đạt 86,99% kế hoạch năm; - Tổng chi phí là : 5.599,58 tỷ VNĐ bằng 82,41% kế hoạch. - Lợi nhuận trước thuế (tạm tính) : 560,02 tỷ VNĐ đạt 195,79% kế hoạch. * Việc giãn khấu hao TSCĐ Nhà máy Phả Lại 2; HĐQT thống nhất giãn khấu hao và giao cho ban điều hành nghiên cứu để lựa chọn thời gian giãn khấu hao 5 năm, 10 năm hoặc 18 năm để trình HĐQT thông qua trong thời gian sớm nhất.</p> <p>3. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. Giao Tổng Giám đốc thực hiện, cụ thể: - Điện năng sản xuất : 6.514,45 triệu</p>

			<p>kWh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện năng bán cho EVN : 5.848,95 triệu kWh. <p>Dựa vào sản lượng điện trên ban điều hành triển khai các kế hoạch mua nhiên liệu, mua sắm vật tư thiết bị, nguyên vật liệu, sửa chữa lớn cho năm 2015 theo phương án giá điện đã được thông qua.</p> <p>Sau khi có phương án giảm khấu hao sản lượng điện chính thức từ EVN Ban điều hành sẽ xây dựng lại KHSXKD 2015 trình HĐQT xem xét phê duyệt.</p>
21	Số 86/NQ-PPC-HĐQT	12/12/2014	<p>Tam ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2014.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi trả cổ tức : 8% (800 đồng/cổ phần); - Ngày đăng ký cuối cùng để trả tam ứng cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông là ngày 31/12/2014; - Ngày chi trả cổ tức là ngày 15/01/2015;
22	Số 87/NQ-PPC-HĐQT	19/12/2014	<p>1.Thông qua việc thành lập Phòng An toàn Lao động. Giao Ông tổng giám đốc tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.</p> <p>2.Thông qua việc thay đổi (kéo dài) thời gian trích khấu hao TSCĐ nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2 như nội dung tờ trình số 5852/TTr-PPC-TCKT ngày 17 tháng 12 năm 2014. Giao Ông tổng giám đốc thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.</p> <p>3.Thống nhất cho EVNGENCO2 vay vốn của PPC, với các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cho vay : 01 năm - Lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng của 04 Ngân hàng Thương mại lớn nhất Việt Nam (BIDV, VCB, Agribank, Vietinbank) + 0,5 % - Dùng cổ phiếu của Phả Lại thuộc GENCO2 sở hữu để thế chấp cho khoản vay với giá bằng 70% giá thị trường bình quân 30 ngày trước kể từ ngày ký Hợp đồng. - Giao Ban điều hành triển khai các thủ tục tiếp theo để ký kết hợp đồng với GENCO2 trong thời gian sớm nhất. Bao gồm soạn thảo hợp đồng vay và Hợp

			đồng cầm cổ cổ phiếu.
23	Số 88/NQ-PPC-HĐQT	10/3/2015	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 03 thành viên độc lập là ông Trần Văn Dư - Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 2, Bà Nguyễn Thị Mai Thanh - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh, là người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý và điều hành các Công ty cổ phần; Ông Nguyễn Việt Hà - Giám đốc Ban đầu tư - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

f) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khoá học về Quản trị Doanh Nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát: gồm 3 thành viên:

- 1 - Ông Nguyễn Quang Cường - Trưởng Ban Kiểm soát.
- 2 - Ông Lưu Xuân Trang - Thành viên Ban Kiểm soát.
- 3 - Bà Trịnh Thị Tuyết - Thành viên Ban Kiểm soát.

b) Các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1.	Ông Nguyễn Quang Cường	0	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn điện lực Việt Nam.
2.	Ông Lưu Xuân Trang	0	Chuyên viên phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
3.	Bà Trịnh Thị Tuyết	8.005	Chuyên viên kinh tế phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

c) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 123- Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều 37 - Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HDQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính trung thực, mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2014 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty;

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2014;

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của thành viên HDQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2014:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; tiền thù lao HDQT và Ban Kiểm soát Công ty năm 2014 cụ thể như sau :

Đơn vị tính : đồng

ST T	Họ và Tên	Chức danh	Tổng tiền lương/ thù lao thực lĩnh năm 2014	Ghi chú
I	Tiền lương của Chủ tịch HDQT, Tổng Giám đốc			
1.	Phạm Kim Lâm	Chủ tịch HDQT	593.202.400	
2.	Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc	503.884.700	
II	Tiền thù lao của thành viên HDQT, BKS			
1.	Phạm Văn Thư	Thành viên HDQT	72.000.000	
2.	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HDQT	72.000.000	
3.	Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên HDQT	72.000.000	
4.	Trần Văn Đur	Thành viên HDQT	72.000.000	
5.	Nguyễn Quang Cường	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000	
6.	Trịnh Thị Tuyết	Thành viên BKS	60.000.000	

7.	Lưu Xuân Trang	Thành viên BKS	60.000.000	
	Tổng cộng :		1.385.087.100	

b) Giao dịch Cổ phiếu cổ đông nội bộ

- Ngày 29/9/2014

Lê Thị Mai Hoa – quan hệ cổ đông nội bộ - Ông Nguyễn Văn Thủy – Phó Tổng giám đốc Công ty báo cáo :

Ngày 18/8/2014 : Mua 2.300 Cổ phiếu PPC.

Ngày 26/8/2014 : Bán 2.300 Cổ phiếu PPC

- Ngày 23/10/2014 - Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE) thông báo kết quả giao dịch :

Bán 41.620 Cổ phiếu PPC - thời gian giao dịch từ 24/9/2014 đến 22/10/2014.

Số lượng cổ phiếu sau giao dịch là : 71.115.450 Cổ phiếu

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2014 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại bao gồm:

1. Ý kiến kiểm toán: (trang 29)

2. Toàn văn báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán 2014 (trang 30 đến 59)

(Chi tiết quý cổ đông có thể xem báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính Công ty hợp nhất trên website <http://www.ppc.evn.vn>)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHCM;
- <http://www.ppc.evn.vn>
- Lưu VT, KHVT.



Phạm Văn Thư

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỢC LẬP

Kính gửi: Các Chủ động
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phú Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phú Lai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2014, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến hợp nhất việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu bản báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Nàng việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong phạm vi, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính minh bạch hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Tuấn Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện của
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 09 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHHVN, Việt Nam

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1101-2013-001-1

Deloitte được đăng ký tại Việt Nam để thực hiện các dịch vụ của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL") Công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và đang hoạt động như một thành viên của hệ thống kế toán độc lập và mạng lưới của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTNLL") được cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Mọi thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với đơn vị Deloitte địa phương bằng cách liên hệ với văn phòng pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL") của hàng thành viên.

Đã
Được
Kiểm
Đạt
Đúng
Đúng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÍA LẠI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Trần Văn Đur	Thành viên
Ông Phạm Văn Thu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

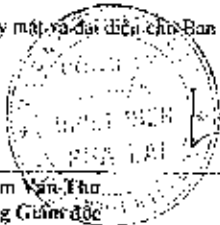
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân theo hay không, có không áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo cơ sở tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Thu
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phú Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phú Lai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2014, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến hợp nhất việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tuân hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định và đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Ngọc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0017-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHHỘNG HỘ VIỆT NAM

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1161-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các thành viên - mỗi thành viên là một là thực thể lập và một pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited thay Deloitte (tên của) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tài liệu www.deloitte.com/vn/about để biết thêm thông tin chi tiết về các thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các ứng dụng khác.

ĐƯỢC
CƠ
ĐI
DEL
VIỆ
T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HH
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=) 10+128+130+148+158)	180		7.479.970.292.640	7.297.785.146.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.186.893.688.723	1.185.659.130.762
1. Tiền	111		40.893.688.723	7.359.138.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.146.000.000.000	1.178.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	128	6	3.445.851.965.073	3.753.051.965.073
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.445.851.965.873	3.753.051.965.873
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.138.802.782.394	1.413.056.564.169
1. Phải thu khách hàng	131	7	2.141.587.608.472	1.418.412.854.960
2. Trả trước cho người bán	132		509.479.422	381.295.782
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	4.136.542.251
4. Các khoản phải thu khác	135		299.854.771	986.316.264
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(3.593.310.271)	(2.859.645.888)
IV. Hàng tồn kho	148	8	704.979.615.572	938.611.841.068
1. Hàng tồn kho	141		882.797.762.885	1.114.519.480.483
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(177.818.147.313)	(175.907.639.335)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.442.248.878	7.325.645.573
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.318.605.884	58.998.682
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.564.967.185	6.664.749.902
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		558.667.809	601.896.989
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (280=) 220+250+260)	280		3.844.111.113.773	4.598.176.719.167
I. Tài sản cố định	228		1.095.723.914.618	1.871.155.948.593
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	844.523.621.623	1.521.600.532.815
- Nguyên giá	222		13.431.707.378.069	13.414.396.628.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.587.177.756.446)	(11.892.795.495.550)
2. Tài sản cố định vô hình	227	18	9.602.652.777	15.279.897.773
- Nguyên giá	228		57.787.131.156	57.787.131.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(46.184.478.379)	(42.508.033.383)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	238	11	241.597.648.218	324.276.318.005
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.744.880.013.388	2.728.590.118.880
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	1.311.576.705.526	1.287.511.278.650
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	1.555.288.160.491	1.555.288.160.491
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(121.984.852.637)	(122.209.312.341)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.507.185.775	6.430.651.774
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.507.185.775	6.430.651.774
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=) 100+200)	270		11.324.081.406.413	11.895.881.865.812

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (310=310+330)	300		5.608.118.987.163	6.460.257.568.927
I. Nợ ngắn hạn	316		1.525.606.912.043	1.456.077.196.391
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	326.680.968.547	370.688.038.132
2. Phải trả người bán	312		326.132.997.619	276.827.885.182
3. Người mua trả tiền trước	313		162.756.618	446.877.527
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	175.898.742.703	317.548.832.068
5. Phải trả người lao động	315		106.058.892.645	105.860.526.231
6. Chi phí phải trả	316	17	308.136.084.547	377.651.668.326
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	260.518.103.041	3.348.346.076
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22.098.366.920	3.713.038.849
II. Nợ dài hạn	330		4.082.512.075.120	5.004.180.372.536
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	4.682.512.075.120	5.004.180.372.536
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400-410)	400		5.674.355.683.336	5.397.100.318.579
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.674.355.683.336	5.397.100.318.579
1. Vốn điều lệ	411	20	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	157.128.522.365	157.128.522.365
3. Cô phiếu quỹ	414	20	(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	367.455.968.956	272.781.996.456
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	113.679.535.080	113.261.049.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	1.899.344.385.861	1.717.241.479.607
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		41.606.735.914	38.523.978.306
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=310+400+439)	440		11.324.681.406.413	11.895.881.865.812

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329

Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng

Phạm Văn Tư
 Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2015


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

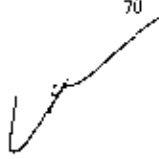
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/NN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	7.481.943.053.919	6.588.538.129.558
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=81)	10		7.481.943.053.919	6.588.538.129.558
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	6.984.692.900.556	5.558.156.409.385
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		497.250.152.463	1.030.381.728.173
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.055.226.537.734	1.625.146.781.108
6. Chi phí tài chính	22	26	-	235.095.528.281
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		138.841.465.702	133.070.825.542
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		106.537.523.669	105.078.282.638
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (38=20+(21-22)-25)	30		1.303.868.772.541	2.317.354.698.362
9. Thu nhập khác	31		20.142.597.281	4.790.586.587
10. Chi phí khác	32		11.707.015.266	2.241.779.686
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.435.582.015	2.548.806.901
12. (Lỗ)/Lãi trong công ty liên kết	45	27	(9.991.103.014)	(69.635.218.419)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.301.503.251.540	2.250.268.286.844
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	247.399.138.867	436.090.909.288
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	175.876.963.716
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.054.114.112.673	1.639.100.413.840
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		9.408.715.608	9.569.724.058
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		1.044.705.397.065	1.629.530.609.782
17. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	5,284	5,122


 Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu


 Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng


 Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc



Ngày 09 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 03-ĐN/HTN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.301.513.251.540	2.258.268.286.844
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	700.605.926.145	694.431.496.937
- Các khoản dự phòng	03	3.419.713.457	96.668.981.440
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(585.950.726.854)	(1.136.261.285.750)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(450.477.359.964)	(394.642.178.036)
- Chi phí lãi vay	06	178.841.465.782	155.070.875.542
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (trước thay đổi vốn lưu động)	08	1.106.952.270.026	1.665.528.176.977
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(842.028.989.541)	(4.829.008.161)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	251.721.717.518	(169.498.919.170)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	381.358.110.464	37.373.187.885
- Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	1.663.858.797	3.851.103.167
- Tiền lãi vay đã trả	13	(146.301.861.050)	(166.579.478.951)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(396.655.209.670)	(278.826.806.400)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.245.965.862	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(26.344.587.929)	(21.257.448.734)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	313.611.271.477	1.064.760.814.013
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(199.641.698.895)	(140.950.895.484)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.954.000.000.800)	(4.294.200.800.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.261.200.000.000	4.007.208.000.800
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(27.600.000.000)	(238.800.800.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cả tức và lợi nhuận được chia	27	468.152.974.501	513.990.660.582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	548.111.275.606	(143.960.334.982)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(379.796.632.147)	(420.997.743.207)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(480.691.356.975)	(320.941.134.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(860.467.989.122)	(747.958.878.057)
Lưu chuyển tiền thuần (trọng năm (50=20+30-40))	50	1.234.557.961	178.861.708.974
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.185.659.130.762	1.006.797.429.788
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.186.893.680.723	1.185.659.130.762

Nguyễn Quang Huy

Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu

Ngày 09 tháng 1 năm 2015

Lê Thế Sơn

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh về trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CIEXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thông tin này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 10-2005/QĐ-HCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty trách nhiệm hạn chế độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 040000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu số 0800296853 ngày 10 tháng 5 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000,000 VND.

Không có vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV vào ngày 26 tháng 04 năm 2015 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2.

Công ty có trụ sở chính đặt tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.359 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.382).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Điện vụ Súc chấu Nhiệt điện Miền Bắc.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Tiền bộ sản lượng điện của Công ty phải lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Hoạt động chính của công ty con là sửa chữa, bảo dưỡng, thi nghiệm, lắp đặt các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay; cung ứng nhiên liệu và các dịch vụ đào tạo; vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp; xây lắp sửa chữa kỹ thuật công nghệ giao thông; thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/NN

(Các thuyết minh này là một hồ phân lập thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các hạn cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Chế độ kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng lại không thay đổi và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt khác khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh. Ngoài ra, phần lợi ích của cổ đông thiểu số cũng phản ánh sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Bầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Ngày 12/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỆT HIỆN PHÁ LAI

Phường Phú Lợi, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CỘNG HÒA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B (09-DN/14)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc, đồng thời với bản của tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với nội bộ công ty liên kết với Công ty, lãi lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh dự là 3 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ đo lường vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỆT ĐIỆN PHẢI LẠI

Phường Phú Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Bản cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 69-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp hình thành giá quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phay sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là thanh đồng cho dốt là mặt phát hiện được hạch toán theo phương pháp kê khai định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phú Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm.

Tài sản cố định, hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành đa mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có thể được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10 - 30
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tiếp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỊT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phú Lợi, thị xã Thủ Đức
Tỉnh Thủ Đức, CHXHCN Việt Nam

Bản cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-BN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể duy đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và khoản mục "Chi phí phát sinh" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất đúng cả được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vẫn hạch dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả gian dịch tăng hoa được xác định một cách đúng đắn và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ gian dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của gian dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ gian dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho gian dịch và chi phí để hoàn thành gian dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi nền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở các tài khoản diễn gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

10/11/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NHẬT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/TN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngọc tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá tại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị còn số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ tư Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

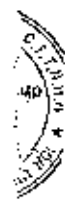
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Mĩ Sơn Bắc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp pháp bình cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng vào năm tài sản được thanh toán hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNHVN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	85.667.139	129.248.803
Tiền gửi ngân hàng	40.808.021.584	7.229.881.959
Các khoản tương đương tiền (i)	1.146.000.000.000	1.178.388.000.008
	1.186.893.688.723	1.185.659.138.762

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH NGÂN SẠC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.430.000.000.000	1.735.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	2.015.851.965.073	2.017.851.965.073
	3.445.851.965.073	3.753.051.965.073

(i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm và được tính lãi theo lãi suất cố định.

(ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (DVFC), và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam ủy thác đầu tư tại Công ty theo hợp đồng Ủy thác quản lý vốn số 01/2011 ngày 24 tháng 8 năm 2011 và số 02/2013 ngày 26 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, có thời hạn 1 năm kể từ ngày ký, lãi suất 9,125%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu tiền điện	2.045.586.546.868	1.297.849.812.925
Dự trừ lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	75.555.626.964	83.233.748.964
Phải thu khách hàng khác	20.145.434.640	29.328.493.871
	2.141.587.608.472	1.410.412.054.960
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.593.310.271)	(2.059.645.088)
	1.137.994.198.201	1.407.552.409.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	- 876.465.219.898	1.106.937.777.521
Công cụ, dụng cụ	5.283.508.440	6.837.236.974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.990.423	23.180.882
Thành phẩm	994.044.124	726.285.026
	<u>882.797.762.885</u>	<u>1.114.519.480.403</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(172.818.147.313)	(175.907.639.335)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>704.979.615.572</u>	<u>938.611.841.068</u>

Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu bao gồm than, dầu sử dụng cho các tổ máy phát điện và vật tư tồn kho được mua với mục đích sửa chữa thường xuyên và cho các công trình sửa chữa lớn.

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.910.507.978 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 15.775.346.643 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 Phường Phú Lợi, thị xã Chí Linh,
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho nhân tài chính kê: báo ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NIỆT (Tiếp theo)

Các thành viên này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ H 09-DN/BN

B. TÀI SẢN CÓ DẪN HỮU HÌNH

NGUỒN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác		Tổng cộng
					cổ đông khác	khác	
Tại ngày 01/01/2014	1.700.928.156,785	11.576.696.465,859	84.122.085,126	40.945.057,845	2.669.262,240	13.414.396.028,365	
Mua sắm mới	2.395.287,378	13.678.261,180	1.524.050,000	200.859,000	-	17.858.959,478	
Thanh lý, nhượng bán	(172.900,000)	(299.428,374)	-	(81.281,400)	-	(553.609,774)	
Tại ngày 31/12/2014	1.712.161.044,163	11.598.875.300,585	85.651.135,126	41.144.635,445	2.669.262,740	13.421.701.278,069	Đơn vị: VND
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LỬY KẾ							
Tại ngày 01/01/2014	1.299.103.822,399	18.492.151.346,588	63.269.122,211	36.335.317,391	1.835.887,009	11.892.793,495,550	
Trích khấu hao	46.811.859,499	641.318.034,212	4.308.568,837	2.144.876,625	354.149,976	694.929,481,149	
Thanh lý, nhượng bán	(172.900,008)	(293.038,853)	-	(81.281,400)	-	(547.228,253)	
Tại ngày 31/12/2014	1.345.742.281,798	11.133.176.241,939	67.669,683,048	38.298,912,616	2.190.837,045	12.598.177,756,446	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2014	366.418.762,365	456.898.958,646	17.981.452,078	2.745.722,829	479.225,495	844.623.621,623	
Tại ngày 31/12/2013	418.834.334,486	1.084.546.119,279	20.757.962,915	4.629.740,454	833.375,671	1.521.609.522,815	

Nguyên giá của TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các TSCĐ dư khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 1.438 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2013: 1.424 tỷ VND).

Nguyễn Văn Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-ĐA/HN

Các thông tin này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<i>Đơn vị: VND</i>		
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	57.414.901.632	372.229.524	57.787.131.156
Tại ngày 31/12/2014	57.414.901.632	372.229.524	57.787.131.156
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LỖY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	42.135.803.859	372.229.524	42.508.033.383
Trích khấu hao	5.676.444.996	-	5.676.444.996
Tại ngày 31/12/2014	47.812.248.855	372.229.524	48.184.478.379
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	9.602.652.777	-	9.602.652.777
Tại ngày 31/12/2013	15.279.097.773	-	15.279.097.773

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VN Đ</u>	<u>VND</u>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	248.169.166.127	332.972.610.738
Xây dựng cơ bản khác	1.428.474.091	1.383.787.677
	<u>249.597.640.218</u>	<u>334.276.318.005</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
		<u>%</u>	<u>%</u>	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương	50	60	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá gốc khoản đầu tư	1.451.055.770.150	1.423.455.778.150
Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(130.479.064.624)	(135.944.499.580)
	<u>1.320.576.705.526</u>	<u>1.287.511.278.570</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
		<u>%</u>	<u>%</u>	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	25,97	25,97	Sản xuất điện

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÍA LẠI

Phường Phú Lợi, thị xã Chũ Lĩnh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

TUYỆT BINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng tài sản	21.677.215.306.870	20.806.303.354.391
Tổng công nợ tài sản thuần	16.583.384.583.379	16.080.359.173.017
	= 5.093.830.723.491	4.725.964.181.374
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	= 1.322.867.838.891	1.204.448.269.832

Lợi thế thương mại phát sinh từ mua công ty liên kết:

	VND
Tại ngày 01/01/2014	82.863.008.817
Phân bổ trong năm	82.863.008.817
Tại ngày 31/12/2014	-

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i)	350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii)	812.295.117.408	812.295.117.408
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	70.800.800.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (iii)	180.000.800.000	180.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư khác	2.293.080.591	2.293.080.591
	= 1.555.288.160.491	1.555.288.160.491
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(121.984.852.637)	(122.209.312.341)
	= 1.433.303.307.854	1.433.078.848.150

(i) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay: Công ty mua Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.

(ii) Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.

(iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.

(iv) Đầu tư chứng khoán khác: là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã được trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các đơn vị minh này là một bộ phận hợp thành và các đơn vị được đăng ký với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	336.600.968.547	370.680.030.132
	336.600.968.547	370.680.030.132
16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	12.704.140.274	9.816.003.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp	136.214.091.758	305.470.162.561
Thuế thu nhập cá nhân	-	200.671.800
Các loại thuế khác	6.980.510.671	2.061.994.471
	175.898.742.703	317.548.832.068
17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi vay phải trả	34.060.398.243	41.520.796.591
Sửa chữa lớn	240.169.166.127	332.972.610.328
Trích trước tiền điện tự dùng	31.278.091.043	-
Các khoản khác	2.628.429.134	3.158.253.407
	308.136.084.547	377.651.660.326
Giá trị khoản chi phí sửa chữa lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh các chi phí sửa chữa lớn đã thực tế phát sinh trong năm nhưng chưa được quyết toán.		
18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cổ tức phải trả	255.761.610.326	930.355.101
Các khoản phải trả khác	- 4.753.492.718	2.397.990.975
	260.518.103.044	3.348.346.076

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC PHÍA LẠI

Phường Phú Lai, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/BN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014		31/12/2013	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.066.020.700	4.409.113.043.667	26.923.762.974	5.374.860.402.668
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(326.600.968.547)	(1.856.742.274)	(370.680.030.132)
Số dư vay dài hạn	23.209.278.426	4.082.512.075.120	25.066.020.700	5.004.180.372.536

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay tại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Phú Lai 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 3 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay tại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo

Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	326.600.968.547	1.856.742.274	370.680.030.132
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	326.600.968.547	1.856.742.274	370.680.030.132
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	979.802.905.641	5.570.226.822	1.112.040.090.396
Sau năm năm	15.782.509.530	2.776.108.200.932	17.639.051.604	3.521.460.252.008
	25.066.020.700	4.409.113.043.667	26.923.762.974	5.374.860.402.663
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(326.600.968.547)	(1.856.742.274)	(370.680.030.132)
Số phải trả dài hạn	23.209.278.426	4.082.512.075.120	25.066.020.700	5.004.180.372.536

19-
 TỶ
 09/5
 TE
 1/11

CÔNG TY CỔ PHẦN NHUỆT ĐIỆN PHÁ LẠM

Phường Phú Lợi, thị xã Chơn Thành

Tỉnh Thủ Đức, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Cấp tổng)

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hào số tài khoản hợp nhất
Cho năm kết thúc kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 09-DN/1111

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

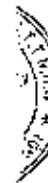
	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	3.262.350.000,000	-	155.099.308,459	-	(125.602.728,849)	263.971.237,362	82.781.058,500	-	-	-	517.472.404,565	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.629.510.689,782	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(318.154.634,400)	-
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	10.839.984,000	-	-	-	-	(64.627.273,041)	-
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(46.979.727,099)	-
Tặng (Giảm) khác	-	-	2.629.223,906	-	(2.029.221,906)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2014	3.262.350.000,000	-	157.128.522,365	-	(125.602.728,849)	272.781.996,456	113.201.058,000	-	-	-	1.217.541.479,607	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.044.705.397,065	-
Chia cổ tức trong năm (1)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(477.231.921,090)	-
Tặng (tặng số tức 2014 (2))	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(234.523,091,200)	-
Phân phối các quỹ trong năm (3)	-	-	-	-	-	94.673.972,500	-	-	-	-	(144.104,385,700)	-
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.257.507,092	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	3.262.350.000,000	-	157.128.522,365	-	(125.602.728,849)	367.455.968,956	113.679.535,500	-	-	-	1.899.344.385,864	-

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 31 tháng 12 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2013 như sau:

- Chia số tức cho cổ đông: 477.231.921,090 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 39.256.090,000 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 93.717.000,000 VND;
- Trích quỹ thưởng viên chức: 321.000,000 VND.

Các biến động khác đã biến động của Công ty con và Công ty liên kết.

(2) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 86/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2014, Công ty quyết định tạm ứng cổ tức năm 2014 với số tiền 234.523,091 VND, trong đó ứng với tỷ lệ 800 VND/cổ phiếu bằng tiền mặt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.800
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.880.386	8.880.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.880.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vấn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 5 năm 2013, vấn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vấn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính hợp nhất.

22. DOANH THU BÁN NĂNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Hoạt động sản xuất điện	7.405.447.976.131	6.504.517.173.939
Doanh thu bán điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.403.368.716.131	6.500.989.976.867
Điện tự dùng	2.079.260.000	3.527.197.072
Hoạt động khác	76.495.076.888	84.028.955.619
Doanh thu hoạt động khác	76.495.076.888	84.020.955.619
	7.481.943.053.019	6.588.538.129.558

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-BN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Hoạt động sản xuất điện	6.968.018.562.663	5.541.112.893.375
Chi phí than, dầu	5.450.930.331.668	3.917.398.349.837
Chi phí khấu hao	678.244.901.756	674.852.306.405
Chi phí sửa chữa lớn	381.850.773.470	518.178.091.488
Chi phí sửa chữa thường xuyên	143.507.307.790	151.173.844.878
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	213.208.313.515	219.325.448.775
Chi phí phụ liệu	20.013.425.553	18.937.045.589
Chi phí khác	80.255.503.911	41.247.806.483
Hoạt động khác	16.682.337.893	17.043.516.818
	6.984.692.900.556	5.558.156.489.385

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.403.222.906.531	3.788.420.114.633
Chi phí nhân công	394.437.440.246	421.134.004.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	698.090.075.822	692.778.594.721
Chi phí sửa chữa lớn	381.850.773.470	518.178.091.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.429.520.935	165.972.177.037
Chi phí khác	164.467.466.319	72.614.738.136
	7.891.498.182.323	5.659.097.700.180

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	327.972.781.153	333.105.120.556
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	47.835.221.318	43.711.666.667
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	8.808.958.379	24.538.062.635
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại	585.950.726.854	1.136.261.285.750
Cả tức được nhận	84.667.250.000	37.530.645.500
	1.055.226.537.734	1.625.146.781.186

TRUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B-09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	138.841.465.702	155.070.875.542
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.080.050.325	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(871.000.000)	79.151.772.046
Chi phí tài chính khác	819.877.960	872.872.693
	<u>142.878.393.987</u>	<u>235.095.520.281</u>

27. (LỢI) TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

	2014 VND	2013 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	(82.863.000.817)	(140.867.184.388)
Lợi nhuận từ khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	72.571.897.881	71.231.882.969
	<u>(9.991.103.016)</u>	<u>(69.635.238.419)</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập chịu thuế	937.545.411.269	2.586.800.022.316
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động chính	86.005.780.657	1.203.480.550.235
Thu nhập từ hoạt động khác	851.539.410.612	1.383.319.472.081
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	7,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	193.789.097.884	436.090.909.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	175.076.963.716
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	53.610.040.986	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	247.399.138.867	611.167.873.004

Chi phí thuế thu nhập hiện hành bao gồm chi phí thuế của năm 2014 và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước. Trong đó, thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung bao gồm các khoản mục chính như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2013 theo Quyết định xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế số 5879/QĐ-CT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Hải Dương với số tiền là 2.432.740.477 VND.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung liên quan tới việc Công ty không được miễn giảm thuế 50% cho năm 2009 - áp dụng cho các đơn vị miền núi đầu giai đoạn từ năm 2001 - 2006 theo hướng dẫn tại Công văn số 2924/TCT-PC của Tổng Cục thuế ngày 19 tháng 8 năm 2011 và Công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty đã kê khai và nộp bổ sung số thuế thu nhập doanh nghiệp này với số tiền là 51.080.450.509 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.044.785.397.065	1.629.530.689.782
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	-	318.154.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.284	5.122

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 19 trừ số tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	4.409.113.043.667	5.374.868.402.668
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.186.893.888.723	1.185.659.130.762
Nợ thuần	3.222.219.354.944	4.189.209.271.906
Vốn chủ sở hữu	5.674.355.683.336	5.397.100.318.579
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,57	0,78

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chỉ trình các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.186.893.888.723	1.185.659.130.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.138.293.352.972	1.408.558.726.136
Dầu tư ngắn hạn	3.415.851.065.073	3.753.051.965.073
Hầu tư dài hạn khác	1.433.363.307.854	1.433.078.848.150
Tổng cộng	8.204.342.314.622	7.780.328.670.121
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.409.113.043.667	5.374.868.402.668
Phải trả người bán và phải trả khác	-	280.176.231.258
Chi phí phải trả	66.538.444.329	43.375.342.321
Tổng cộng	5.062.302.588.659	5.898.411.976.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-ĐN/11N

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro lạm dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Yên Nhật Bản (JPY)	4.409.113.043.667	5.374.860.402.668	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng một khoản là 440.911.304,31% VND (năm 2013: 537.486.046,267 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý các rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 31.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ tới. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và số vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình hình hoạt động ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây nêu bật chi tiết các mục đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa vào dòng tiền chảy ra/đi vào của tài sản tài chính và dòng tiền chảy ra/đi vào của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi thanh toán được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Quá 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.186.893.688.723	-	-	1.186.893.688.723
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.138.293.352.972	-	-	2.138.293.352.972
Đầu tư ngắn hạn	3.445.851.965.073	-	-	3.445.851.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.386.805.507.854	1.433.393.397.854
Tổng cộng	6.771.039.006.768	46.498.000.000	1.386.805.507.854	8.204.342.314.622
31/12/2014				
Các khoản vay	326.600.968.547	1.306.403.874.188	2.776.108.200.932	4.409.113.043.667
Phải trả người bán và phải trả khác	586.651.100.663	-	-	586.651.100.663
Chi phí phải trả	66.538.444.329	-	-	66.538.444.329
Tổng cộng	979.790.513.539	1.306.403.874.188	2.776.108.200.932	5.062.302.588.659
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.791.248.493.229	(1.259.905.874.188)	(1.389.302.693.078)	3.142.039.725.963

THIỆT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.185.659.130.762	-	-	1.185.659.130.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.408.538.726.136	-	-	1.408.538.726.136
Đầu tư ngắn hạn	3.753.051.965.073	-	-	3.753.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.600.840	1.386.580.848.159	1.433.078.848.159
Tổng cộng	6.347.249.821.971	46.498.600.840	1.386.580.848.159	7.780.329.270.121
31/12/2013				
Các khoản vay	379.680.030.152	1.482.729.129.528	3.521.460.252.008	5.374.869.402.668
Phải trả người bán và phải trả khác	290.176.221.258	-	-	290.176.221.258
Chi phí phải trả	43.375.342.321	-	-	43.375.342.321
Tổng cộng	694.231.603.711	1.482.729.129.528	3.521.460.252.008	5.698.411.976.247
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.653.018.218.260	(1.436.230.528.688)	(2.134.879.403.850)	2.051.916.693.874

Ban Giám đốc định giá tài sản thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ ĐU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh mục các bên liên quan có giao dịch và số dư trung kỳ:

Bên liên quan	Quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu của Công ty mẹ
Công ty Mua bán điện	Trục xuất Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÍA LẠIPhường Phú Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-08/HN**

Các thành phần này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. NGHỊP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

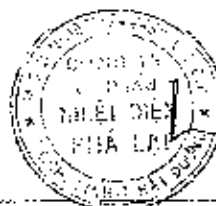
	2014 VND	2013 VND
Doanh thu		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	7.403.368.716.131	6.506.165.985.411
Trả gốc vay và lãi vay		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	379.794.632.147	420.997.743.207
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	138.841.465.702	155.070.875.542
Lãi đầu tư, cho vay		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	216.332.416.667	268.063.194.444
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	-	37.530.645.500
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	71.417.500.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương, thu nhập Ban Giám đốc	1.940.312.300	1.727.058.200

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.409.113.043.667	5.374.860.482.668
Phải thu Công ty Mua bán điện	2.045.586.546.868	1.297.849.812.925
Phải thu khác Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	83.233.748.964
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055.770.158	1.423.455.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.488	817.295.117.400
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Nguyễn Quang Huy
Người lập báoLê Thế Sơn
Kế toán trưởngPhạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 1 năm 2015